

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Sơn Tây;
- Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thuỳ T, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 1, khu phố V, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn D, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ 1, khu phố V, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thuỳ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thuỳ T và ông Đặng Văn D có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 (Một) năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới về chung sống với nhau từ năm 1989 đến năm 2003 thì đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về quê chồng tại xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang sinh sống khoảng 03 năm, đến năm 1993 thì chuyển về lại địa bàn phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương sinh sống cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc từ khi kết hôn, nguyên nhân do ông D thường xuyên đánh đập bà T, hai vợ

chồng sống cùng nhà nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Mặc dù bà T luôn làm tròn bổn phận của người làm vợ, làm mẹ. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc bà T không còn tình cảm với ông D nhưng vì các con nên bà T cố gắng để duy trì, hàn gắn mâu thuẫn gia đình, bà T đã cho ông D nhiều cơ hội để thay đổi. Nay các con đã trưởng thành nhưng ông D vẫn không thay đổi nên bà T không còn muốn tiếp tục sinh sống cùng ông D. Bà T đã dọn về nhà của mẹ ruột sinh sống khoảng 03 tháng nay, không có sự liên hệ với ông D. Nay bà T xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn với ông D.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung, cháu Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1990 và cháu Đặng Hiếu K, sinh năm 2003. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 07 tháng 02 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Văn D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như trình bày của bà Lê Thuỳ T về thời gian tìm hiểu, thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân và mâu thuẫn vợ chồng. Ông D xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T không chăm lo cho gia đình, thường xuyên vắng nhà, dẫn đến việc ông D bức tức chửi và đánh bà T. Hai vợ chồng sống cùng nhà nhưng mạnh ai nấy sống, mâu thuẫn đã kéo dài nhưng chưa được giải quyết. Ông D xác định còn tình cảm với bà T, hai vợ chồng đã lớn tuổi và các con đã trưởng thành nên ông D cho bà T cơ hội để trở về với gia đình. Ông D không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Thống nhất như trình bày của bà Lê Thuỳ T. Quá trình chung sống, vợ chồng có hai con chung, cháu Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1990 và cháu Đặng Hiếu K, sinh năm 2003. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Toà án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, bà Lê Thuỳ T và ông Đặng Văn D có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Bà Lê Thuỳ T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Văn D. Ông Đặng Văn D cư trú tại tổ 1, khu phố V, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thuỳ T và ông Đặng Văn D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là phường T, thị xã T), tỉnh Bình Dương vào năm 2003, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2003, quyền số 01 ngày 16/5/2003 nên quan hệ hôn nhân của bà Lê Thuỳ T và ông Đặng Văn D là hợp pháp.

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hai vợ chồng sống cùng nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không có sự tin tưởng nhau, mâu thuẫn kéo dài nhưng không có giải pháp gì để hàn gắn. Ông D xác định còn tình cảm và muốn đoàn tụ với bà T nhưng không có biện pháp gì để hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, để mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, dẫn đến việc bà T không còn tình cảm và không muốn đoàn tụ **với ông D**.

Xét để hôn nhân hạnh phúc thì cả hai vợ chồng phải có sự quan tâm, chăm sóc, có sự chia sẻ, đồng cảm, có sự tin tưởng, tôn trọng và cùng nhau xây dựng gia đình. Bà T và ông D là vợ chồng nhưng không có sự quan tâm, chăm sóc, thương yêu, hai vợ chồng biết rõ mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn, để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông D đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Lê Thuỳ T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà và ông D có hai con chung, cháu Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1990 và cháu Đặng Hiếu K, sinh năm 2003. Con chung đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Lê Thuỳ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thuỳ T được ly hôn với ông Đặng Văn D (Giấy chứng nhận kết hôn số 62/2003, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Tân Vĩnh Hiệp, huyện Tân Uyên (nay là phường Tân Đông Hiệp, thị xã Tân Uyên), tỉnh Bình Dương cấp ngày 16/5/2003).

2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Lê Thuỳ T và ông Đặng Văn D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thuỳ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006633 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- CCTHADS thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quyết